

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo Kiểm toán | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| Bảng cân đối kế toán (B01 - DN) | 06 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN) | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN) | 09 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN) | 11 - 20 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp nước Yên Bái (dưới đây gọi tắt là: “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 5200119386 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 07 năm 2013.

Trụ sở chính: Số 211, Đường Nguyễn Phúc, Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh nước máy);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Tư vấn giám sát các công trình: dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn lập dự án, thiết kế các công trình cấp thoát nước);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng).

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ: 27.059.556.464 VND (*Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ không trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm sáu nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*).

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2013 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Đặng Văn Linh | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2013. |
| Ông Nguyễn Trung Khoản | P.Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2013. |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2013 kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

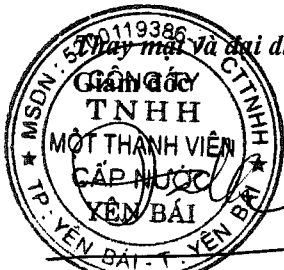
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Đặng Văn Linh

Yên Bái, ngày 14 tháng 02 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái**

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái được lập ngày 14/02/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31/12/2013, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này.

Như trình bày trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH Kiểm toán Âu Lạc, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng đối với máy móc thiết bị trực tiếp sử dụng cho hoạt sản xuất kinh doanh nước nhưng công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính thấp hơn 100% công suất thiết kế. Do đó mức trích khấu hao trong năm sẽ thấp hơn số khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Cũng như trình bày trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH Kiểm toán Âu Lạc, năm 2012 Công ty chưa thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay và phí vay vốn ODA phục vụ dự án đầu tư Hệ thống cấp nước Yên Bái - Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã hoàn thành theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái trị giá 1.022.819.586 VND mà thực hiện phân bổ trong vòng 03 năm. Giá trị đã phân bổ trong năm 2013 là 170.482.701 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính liên quan đến những vấn đề ảnh hưởng nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Vũ Hoàng Giang
Giám đốc
Giấy Chứng nhận ĐKHN: 0439-2013-69-1

Đỗ Quốc Việt
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận ĐKHN: 2582-2013-069-1

Thay mặt và đại diện
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH,
KẾ TOÁN, THUẾ-KIỂM TOÁN COM.PT**
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

M/S/T
T/P
1/01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

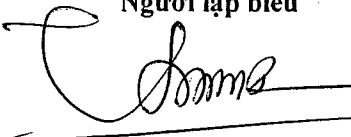
Tại ngày 31/12/2013

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 12.912.400.887 | 12.725.981.665 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 1.109.271.960 | 4.091.230.303 |
| 1. Tiền | 111 | | 368.856.406 | 108.770.940 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 740.415.554 | 3.982.459.363 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 5.647.693.646 | 1.331.169.867 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 5.167.601.119 | 466.781.909 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | - | 67.861.102 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 6 | 480.092.527 | 796.526.856 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 7 | 6.080.568.891 | 7.240.545.981 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 6.254.673.191 | 7.394.316.157 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (174.104.300) | (153.770.176) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 74.866.390 | 63.035.514 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 32.879.358 | 7.159.091 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 8 | 6.774.926 | 12.974.417 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 35.212.106 | 42.902.006 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 88.023.213.518 | 91.807.502.260 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 86.863.317.403 | 90.683.022.334 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 86.461.008.819 | 71.239.515.982 |
| Nguyên giá | 222 | | 129.767.746.543 | 109.852.472.074 |
| Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (43.306.737.724) | (38.612.956.092) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 20.999.999 | 28.199.999 |
| Nguyên giá | 228 | | 632.100.000 | 632.100.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (611.100.001) | (603.900.001) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 381.308.585 | 19.415.306.353 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 50.000.000 | 50.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 12 | 50.000.000 | 50.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.109.896.115 | 1.074.479.926 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 1.058.556.571 | 985.501.310 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 51.339.544 | 88.978.616 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 100.935.614.405 | 104.533.483.925 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 53.194.329.582 | 58.391.204.993 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.379.023.041 | 8.069.657.452 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 4.506.242.000 | 4.072.669.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 1.226.947.753 | 2.694.836.156 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 20.867.748 | 317.700.057 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 15 | 393.336.873 | 103.174.267 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 1.144.873.895 | 991.410.700 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 16 | 193.913.250 | 37.305.680 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 17 | 238.748.307 | 198.468.377 |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | (345.906.785) | (345.906.785) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 45.815.306.541 | 50.321.547.541 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 18 | 45.815.306.541 | 50.321.547.541 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 47.741.284.823 | 46.142.278.932 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 47.741.284.823 | 46.142.278.932 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 55.493.221.297 | 39.252.795.297 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 147.556.724 | 147.556.724 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 25.755.860 | 25.755.860 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (7.925.249.058) | (8.033.828.949) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | 14.750.000.000 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | 440 | | 100.935.614.405 | 104.533.483.925 |

Người lập biểu


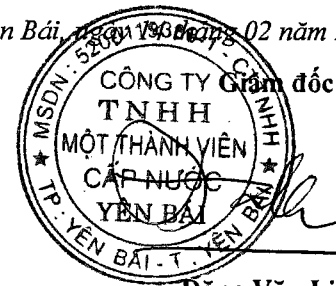
Trần Thị Ngọc Oanh

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Khánh

Yên Bái, ngày 13 tháng 02 năm 2014




Đặng Văn Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 22.837.048.104 | 15.421.286.784 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 21 | 22.837.048.104 | 15.421.286.784 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 16.525.352.175 | 9.241.304.420 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 6.311.695.929 | 6.179.982.364 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 193.707.122 | 765.013.317 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 2.395.888.827 | 1.967.256.122 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 4.142.200.788 | 3.799.838.524 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | (32.686.564) | 1.177.901.035 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 283.460.997 | 691.179.840 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 104.555.470 | 170.226.936 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 178.905.527 | 520.952.904 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 146.218.963 | 1.698.853.939 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 24 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 37.639.072 | (45.896.052) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 108.579.891 | 1.744.749.991 |

Người lập biểu



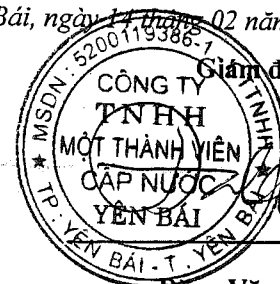
Trần Thị Ngọc Oanh

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Khánh

Yên Bái, ngày 14 tháng 02 năm 2014



Đặng Văn Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 20.109.226.320 | 17.198.171.756 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (8.973.709.134) | (5.600.581.006) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (6.336.790.400) | (7.126.882.200) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 618.490.863 | 2.589.539.443 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (3.248.172.086) | (6.297.786.184) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 2.169.045.563 | 762.461.809 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.272.043.028) | (10.237.083.355) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 193.707.122 | 765.013.317 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.078.335.906) | (9.472.070.038) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | 8.734.140.339 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (4.072.668.000) | (3.681.376.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (4.072.668.000) | 5.052.764.339 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (2.981.958.343) | (3.656.843.890) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 4.091.230.303 | 7.748.074.193 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 5 | 1.109.271.960 | 4.091.230.303 |

Người lập biểu



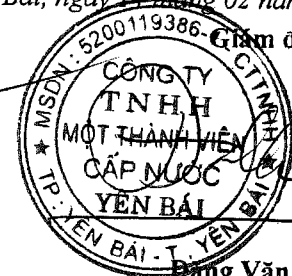
Trần Thị Ngọc Oanh

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Khánh

Yên Bái, ngày 14 tháng 02 năm 2014



Đặng Văn Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Yên Bái (dưới đây gọi tắt là: “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 5200119386 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 07 năm 2013.

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh nước máy);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Tư vấn giám sát các công trình: dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn lập dự án, thiết kế các công trình cấp thoát nước);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/10/2009 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ tài chính đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp sản xuất được trích theo phương pháp số lượng, khối lượng sản phẩm. Phương pháp tính cụ thể như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định = Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng x Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm

Trong đó:

Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm = Nguyên giá của tài sản cố định/Sản lượng theo công suất thiết kế.

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định = Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm x Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các Luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 113.914.258 | 103.856.468 |
| Tiền gửi ngân hàng | 254.942.148 | 4.914.472 |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng - Ngân hàng Công thương Yên Bái | 740.415.554 | 3.982.459.363 |
| Cộng | 1.109.271.960 | 4.091.230.303 |

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu BHXH, BHYT người lao động | 28.121.926 | 50.800.700 |
| Phải thu cá nhân chủ nhiệm công trình | 440.571.055 | 734.263.910 |
| Các khoản phải thu khác | 11.399.546 | 11.462.246 |
| Cộng | 480.092.527 | 796.526.856 |

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên vật liệu | 6.231.730.329 | 6.503.613.608 |
| Công cụ, dụng cụ | 17.997.927 | 19.866.103 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.944.935 | 870.836.446 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | (174.104.300) | (153.770.176) |
| Cộng | 6.080.568.891 | 7.240.545.981 |

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Thuế GTGT đầu ra | 979.600 | 12.974.417 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 5.795.326 | - |
| Cộng | 6.774.926 | 12.974.417 |

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (chi tiết tại phụ lục số 01)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|--------------------------|-------------------|-------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | - | - | 632.100.000 | 632.100.000 |
| Số tăng trong năm | - | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2013 | | | 632.100.000 | 632.100.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | - | - | 603.900.001 | 603.900.001 |
| Số tăng trong năm | - | - | 7.200.000 | 7.200.000 |
| - Khấu hao trong năm | - | - | 7.200.000 | 7.200.000 |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2013 | | | 611.100.001 | 611.100.001 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | - | - | 28.199.999 | 28.199.999 |
| Tại ngày 31/12/2013 | - | - | 20.999.999 | 20.999.999 |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 256.437.915 | 19.415.306.353 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 124.870.670 | - |
| Cộng | 381.308.585 | 19.415.306.353 |

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư dài hạn khác | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Cộng | 50.000.000 | 50.000.000 |

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 985.501.310 | 8.133.638 |
| Số tăng trong năm | 542.147.753 | 1.086.276.650 |
| Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | 469.092.492 | 108.908.978 |
| Giảm khác | - | - |
| Số cuối năm | 1.058.556.571 | 985.501.310 |

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

| | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 547.108.468 | 303.570.506 |
| Phí ODA từ năm 2006-2010 (*) | 511.448.103 | 681.930.804 |
| Cộng | 1.058.556.571 | 985.501.310 |

(*) Lãi vay vốn ODA phục vụ dự án đầu tư Hệ thống cấp nước Yên Bái - Yên Bình, tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái không thực hiện vốn hóa. Giá trị phát sinh năm 2012 là 1.022.819.586 VND được phân bổ trong vòng 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 4.506.242.000 | 4.072.669.000 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn ODA (*) | 4.506.242.000 | 4.072.669.000 |
| Cộng | 4.506.242.000 | 4.072.669.000 |

(*) là khoản nợ gốc vay phải trả năm 2014 theo kế hoạch tương ứng với hợp đồng vay vốn số 01/2010/HDODA-NHPT ngày 29 tháng 11 năm 2010 ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Yên Bái.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế GTGT đầu ra | 380.646.945 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 92.230.632 |
| Thuế tài nguyên | 12.689.928 | 10.943.635 |
| Cộng | 393.336.873 | 103.174.267 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả khác | 193.913.250 | 37.305.680 |
| Cộng | 193.913.250 | 37.305.680 |

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 20.503.700 | 4.551.000 |
| Bảo hiểm y tế | 14.681.800 | 457.500 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 203.562.807 | 193.459.877 |
| Cộng | 238.748.307 | 198.468.377 |

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 45.815.306.541 | 50.321.547.541 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn ODA (*) | 45.815.306.541 | 50.321.547.541 |
| Nợ dài hạn | - | - |
| Cộng | 45.815.306.541 | 50.321.547.541 |

(*) Hợp đồng vay vốn số 01/2010/HDODA-NHPT ngày 29 tháng 11 năm 2010 ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Yên Bái. Lãi suất 0%/năm; Phí quản lý cho vay: 0,2%/năm; Lãi chậm trả 2,5%/năm tính trên nợ gốc, lãi. Thời hạn vay 25 năm trong đó có 8 năm ân hạn kể từ ngày ký Hiệp định vay vốn ngày 05 tháng 12 năm 1996. Phương thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU - Chi tiết tại phụ lục số 02.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.229.588.482 | 13.502.764.035 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 7.607.459.622 | 1.918.522.749 |
| Cộng | 22.837.048.104 | 15.421.286.784 |

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.229.588.482 | 13.502.764.035 |
| Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng | 7.607.459.622 | 1.918.522.749 |
| Cộng | 22.837.048.104 | 15.421.286.784 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | 9.189.356.524 | 7.617.909.925 |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh xây dựng | 7.335.995.651 | 1.623.394.495 |
| Cộng | 16.525.352.175 | 9.241.304.420 |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 193.707.122 | 765.013.317 |
| Cộng | 193.707.122 | 765.013.317 |

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-------------|---------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 146.218.963 | 1.698.853.939 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 150.556.288 | 45.896.052 |
| - Khấu hao tài sản cố định không cần dùng | 150.556.288 | 45.896.052 |
| - Chi phí không hợp lệ | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 296.775.251 | 1.790.546.043 |
| - Thu nhập không chịu thuế | - | 257.007.240 |
| - Chuyển lỗ từ năm 2007 | 296.775.251 | 1.533.538.803 |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | - | (45.796.052) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm năm 2013 | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu đầu kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Âu Lạc.

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN


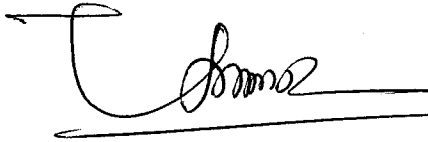
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

27. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

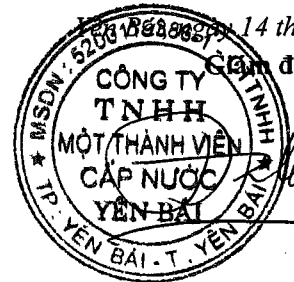
Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Oanh

Dương Ngọc Khánh



14 tháng 02 năm 2014

Chức vụ

Đặng Văn Linh